

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15/07/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc, bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình V là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn T là Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 440/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ B, khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phi K, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Tổ G, ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2023 và ý kiến của nguyên đơn trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án như sau:

Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Phi K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, có giấy chứng nhận kết hôn năm 2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng từ tháng 12 năm 2022 do bất đồng quan điểm với nhau, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự không còn sống chung trong một gia đình.

Các đương sự có 01 con là Nguyễn K1, sinh ngày 30/8/2007 (nguyên đơn đang nuôi dưỡng con).

Vợ chồng không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn; nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

** Từ ngày nguyên đơn khởi kiện vụ án đến nay thì bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn yêu cầu, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con, giấy vận đơn, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, căn cước công dân của đương sự; bản tự khai, đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn cung cấp: Không.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã xác minh có được tài liệu: Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

** Kiểm sát viên có ý kiến đề nghị như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành theo quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, nguyên đơn có việc làm ổn định, đang trực tiếp nuôi con nên giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn không có yêu cầu nuôi con nên không xem xét.

Về nợ chung không có; về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Hôn nhân của các đương sự hợp pháp. Tuy nhiên mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn được quyền chăm sóc con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, cha mẹ được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án, về người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn là ông Nguyễn Phi K và yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì quan hệ pháp luật tranh

chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn **xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai** nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn; Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị Bích H** và ông **Nguyễn Phi K** tự nguyện kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai** và có giấy chứng nhận kết hôn năm 2006 là phù hợp Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hôn nhân của các đương sự hợp pháp, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 131 và Điều 132 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

Các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa là tài liệu chứng minh: Các đương sự có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung, không còn tình cảm để xây dựng một gia đình tiến bộ hạnh phúc.

Hội đồng xét xử kết luận: Vợ chồng các đương sự không còn sống chung cùng một gia đình, không còn tình nghĩa giữa vợ và chồng, các đương sự đã vi phạm về nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có tranh chấp về nuôi con, được Hội đồng xét xử giải quyết như sau: Đến nay bị đơn không có ý kiến, yêu cầu nuôi con; đối với nguyên đơn đã trực tiếp nuôi dưỡng con đến nay, con chưa thành niên, để ổn định nơi cư trú và tinh thần của con nên Hội đồng xét xử giải quyết nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên là phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ý kiến của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; vợ chồng không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không có khởi kiện. Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp chứng cứ vụ án, quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 khoản 1 và khoản 2 Điều 131 và Điều 132 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích H.

- Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn đối với ông Nguyễn Phi K.

- Về trách nhiệm của cha mẹ đối với con chưa thành niên:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H là người trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn K1, sinh ngày 30/8/2007 (nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Các đương sự không có khởi kiện, Tòa án không thụ lý giải quyết.

2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn (được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005633 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

3. Về trách nhiệm Thi hành án dân sự:

Bản án này được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND nơi đương sự đã ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính